TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2019/DS-ST
Ngày: 13/02/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Hoàng Mích.

2/ Ông Lê Minh Chiến

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Vào các ngày 12, 13 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 190/2018/TLST–DS, ngày 11 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2018/QĐXX-DS ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:*

Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: đường V, Quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Châu Hải B, sinh năm 1982. Chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch huyện B. (Có mặt)

2/ Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1977. Chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng cá nhân chi nhánh tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

* *Bị đơn:*

1/ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1951. (Vắng mặt)

2/ Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1949.(Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm: 1978. (Vắng mặt)

2/ Anh Huỳnh Bửu B, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

3/ Anh Huỳnh D, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

4/ Anh Huỳnh Tấn L, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

5/ Chị Huỳnh N, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

6/ Chị Huỳnh Thị Mai T, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

7/ Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

8/ Chị Huỳnh Thị Huỳnh Đ, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

9/ Anh Huỳnh Văn M, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

10/ Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, những lời khai tiếp theo, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Châu Hải B, ông Nguyễn Minh T trình bày như sau:*

Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị V có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Bến Tre – PGD B từ ngày 12/02/2015 cho đến nay. Các khoản vay cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6925162/HĐTD ngày 12/02/2015:

+ Số tiền vay: 1.500.000.000đ

+ Mục đích vay: Sửa chữa 02 tàu cá thực hiện khai thác thủy sản.

+ Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 12/02/2015 đến ngày 12/02/2020

+ Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi được điều chỉnh mỗi năm 02 lần vào các ngày 20/05, 20/11 trên số dư nợ vay và lãi suất cho vay hiện hành theo thông báo của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Bến Tre. Lãi suất hiện đang áp dụng là 11,7%/năm.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6925162/HĐTD ngày 14/04/2016:

+ Số tiền vay: 9.800.000.000đ

+ Mục đích vay: Vay trung dài hạn để đóng mới tàu dịch vụ hậu cần nghề cá vỏ gỗ theo Nghị định 67/NĐ-CP.

+ Thời hạn vay: 132 tháng, từ ngày 14/04/2016 đến ngày 14/04/2027.

+ Lãi suất cho vay: Trong năm đầu tiên tính từ ngày giải ngân đầu tiên khách hàng được miễn lãi vay. Từ năm thứ 2 đến hết năm thứ 11 từ ngày giải ngân đầu tiên: khách hàng trả lãi suất là: 3%/năm hoặc mức lãi suất cho vay theo thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trừ đi phần lãi suất được ngân sách nhà nước cấp bù.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/6925162/HĐTD ngày 10/04/2017:

+ Số tiền vay: 1.150.000.000đ

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động khai thác thủy sản.

+ Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 10/04/2017 đến ngày 10/04/2018

+ Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất cố định 9,9%/năm.

- Tổng dư nợ vay tính đến hết ngày 12/02/2019: 10.591.896.862 đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc : 9.954.333.330 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn : 613.733.522 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn : 23.830.010 đồng.

Để đảm bảo nợ vay, ông T, bà V và những người liên quan đã thế chấp cho Ngân hàng các tài sản sau:

Thế chấp tài sản là tàu cá, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Cụ thể như sau:

- Tài sản của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị V:

+ QSD đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT962562 do UBND huyện T cấp ngày 28/05/2014, đất thuộc thửa số 1342, tờ bản đồ số PDC4 tọa lạc tại ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, diện tích 1.944m^2.

+ QSD đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT962563 do UBND huyện

T cấp ngày 28/05/2014, đất thuộc thửa số 1343, tờ bản đồ số PDC4 tọa lạc tại ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, diện tích 22.490m^2.

+ QSD đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT962564 do UBND huyện T cấp ngày 28/05/2014, đất thuộc thửa số 1388, tờ bản đồ số PDC4 tọa lạc tại ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, diện tích 13.003m^2.

+ QSD đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT962604 do UBND huyện T cấp ngày 03/06/2014, đất thuộc thửa số 1340, tờ bản đồ số PDC4 tọa lạc tại ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, diện tích 10.135m^2.

+ Tàu cá theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 90/14 do Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản Bến Tre cấp ngày 18/02/2014.

+ Tàu cá theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 08/17 do Chi cục Thủy sản tỉnh Bến Tre cấp ngày 10/01/2017.

+ Hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung có liên quan.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung có liên quan.
- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/6925162/HĐBĐ ngày 14/04/2016.

- Tài sản của bà Huỳnh Thị Mỹ H và ông Huỳnh Bửu B:

+ QSD đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT962603, số vào sổ CH01305 do UBND huyện T cấp ngày 03/06/2014, đất thuộc thửa số 1169, tờ bản đồ số PDC4 tọa lạc tại ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, diện tích 15.274m^2.

+ Hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2015/7717404/HĐBĐ ngày 05/08/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung có liên quan.

- Trong quá trình vay vốn, ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị V (Bên Vay) đã vi phạm cam kết về:

+ Điều 4 "Trả nợ gốc, lãi" của Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6925162/HĐTD ngày 12/02/2015.

+ Điều 3 "Rút vốn vay và trả nợ" của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/6925162/HĐTD ngày 10/04/2017.

+ Điều 5 "Kế hoạch trả nợ gốc/lãi" của Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6925162/HĐTD ngày 14/04/2016.

Các hợp đồng tín dụng trên được ký kết giữa ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị V với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bến Tre và PGD B.

Ngày 15/05/2017, Ngân hàng có làm việc với ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị V. Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị V cam kết chậm nhất đến ngày 16/05/2017 thanh toán tất nợ quá hạn cho Ngân hàng. Nhưng đến nay, ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị V vẫn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng như đã cam kết.

Ngày 29/05/2017, Ngân hàng có mời ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị V đến UBND thị trấn Bình Đại để làm việc. Tuy nhiên ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị V không đến để làm việc với Ngân hàng, không hợp tác với Ngân hàng trong việc xử lý nợ vay quá hạn.

Hiện tại, khoản vay của khách hàng đã bị quá hạn. Ngày 24/08/2017, Ngân hàng có mời ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị V đến UBND thị trấn B để làm việc. Tại UBND thị trấn, ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị V cam kết đến ngày 30/08/2017 sẽ trả hết nợ quá hạn cho Ngân hàng. Tuy nhiên đến nay, ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị V vẫn thường xuyên để phát sinh nợ quá hạn.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Đại giải quyết các nội dung sau đây:

- Buộc ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị V phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ toàn bộ số tiền nợ vay bao gồm tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phát sinh tiếp theo, tạm tính đến ngày 12/02/2019 cụ thể đối với từng hợp đồng là:

Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6925162/HĐTD ngày 12/02/2015:

Tiền nợ gốc: 671.000.000đ

Tiền lãi trong hạn: 67.636.800đ

Lãi quá hạn: 8.764.705đ

Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6925162/HĐTD ngày 14/04/2016:

Tiền nợ gốc: 8.977.333.330đ

Tiền lãi trong hạn: 528.086.316đ

Lãi quá hạn: 9.089.501đ

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/6925162/HĐTD ngày 10/04/2017:

Tiền nợ gốc: 306.000.000đ

Tiền lãi trong hạn: 18.010.406đ

Lãi quá hạn: 5.975.804đ

- Tiếp tục tính lãi theo các Hợp đồng tín dụng trên kể từ ngày 13/02/2019 cho đến khi ông T, bà V thanh toán xong các khoản vay.

- Trường hợp ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị V không trả được cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Bến Tre số tiền nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Bến Tre yêu cầu cho phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015, Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/6925162/HĐBĐ ngày 14/04/2016, Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản

của bên thứ ba số 01/2015/7717404/HĐBĐ ngày 05/08/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung có liên quan để Ngân hàng thu hồi nợ và lãi phát sinh.

** Tại biên bản hòa giải ngày 28/11/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày*:

Bà thừa nhận còn nợ Ngân hàng các khoản nợ như Ngân hàng đã nêu. Về các tài sản đã thế chấp bà cũng thống nhất như Ngân hàng đã trình bày. Bà có ý kiến xin được trả trước cho ngân hàng hai hợp đồng tín dụng số 01/2015 và số 01/2017, đồng thời bà sẽ trả hết nợ gốc quá hạn của Hợp đồng số 01/2016, lãi trong hạn và lãi quá hạn của Hợp đồng số 01/2016. Ngân hàng sẽ giải chấp cho bà các tài sản là bất động sản, chỉ để lại 02 tàu cá, về tiền vốn gốc của Hợp đồng số 01/2016 vay theo Nghị định 67 bà sẽ trả sau.

** Trong quá trình tiến hành tố tụng, tòa án đã mời các bên đến tham gia phiên hòa giải và công khai chứng cứ, nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không chấp hành theo Thông báo, giấy triệu tập của Tòa án nên không làm việc được đối với bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với bị đơn là ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại Tòa, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quyền khởi kiện của Ngân hàng: Tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017 ngày 10/4/2017, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng đến ngày Ngân hàng khởi kiện là đã hết thời hạn của Hợp đồng, vì vậy Ngân hàng khởi kiện ông T – bà V là có cơ sở. Tại 02 Hợp đồng tín dụng số 01/2015 ngày 12/02/2015 với thời hạn vay là 60 tháng và Hợp đồng tín dụng số 01/2016 ngày 14/04/2016 thời hạn vay là 132 tháng, như vậy 02 Hợp đồng này chưa đến hạn nhưng do ông T, bà V vi phạm nghĩa vụ của bên vay đã làm phát sinh quyền yêu cầu thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng tại khoản 4 Điều 9 và khoản 6 Điều 9 tương ứng lần lượt ở hai Hợp đồng tín dụng nói trên, nên Ngân hàng có yêu cầu ông T – bà V thanh toán toàn bộ khoản nợ trước thời hạn của Hợp đồng là có cơ sở.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: 03 Hợp đồng tín dụng số 01/2015, 01/2016, 01/2017 và các Hợp đồng thế chấp tài sản; Biên bản làm việc của Ngân hàng đối với ông T, bà V ngày 24/8/2017; Căn cứ vào các biên bản giao nhận hồ sơ khởi kiện của Tòa án đối với bà V ngày 04/10/2018 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông B, bà H; Căn cứ Biên bản hòa giải ngày 28/11/2018 của Tòa án; Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: Bị đơn ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị V đã xác lập quan hệ tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tại 03 Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6925162/HĐTD ngày 12/02/2015, Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6925162/HĐTD ngày 14/04/2016 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/6925162/HĐTD ngày 10/04/2017.

[2] Tuy ông T, bà V không đến theo giấy triệu tập của Tòa án, nhưng ông bà cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn; căn cứ lời trình bày thừa nhận các khoản nợ của bà V đối với Ngân hàng trong biên bản hòa giải ngày 28/11/2018 và tại Biên bản làm việc ngày 24/8/2017 ông T, bà V cũng đã đồng ý việc phát sinh nợ quá hạn đối với Ngân hàng. Hội đồng xét xử nhận thấy: tính đến ngày 12/02/2019, ông T – bà V còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền

10.591.896.862 đồng ở 03 Hợp đồng tín dụng như Ngân hàng trình bày là có cơ sở.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị V là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị V phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ vay bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn đối với ba hợp đồng gồm Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6925162/HĐTD ngày 12/02/2015, Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6925162/HĐTD ngày 14/04/2016 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/6925162/HĐTD ngày 10/04/2017, tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 12/02/2019 là 10.591.896.862đ (trong đó tiền nợ gốc: là 9.954.333.330đ; lãi trong hạn là 613.733.522đ; lãi quá hạn là 23.830.010đ)

- Tiếp tục tính lãi theo các Hợp đồng tín dụng trên kể từ ngày 13/02/2019 cho đến khi ông T, bà V thanh toán xong các khoản vay.

[4] Xét yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay của Ngân hàng đối với bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Xét các Hợp đồng thế chấp gồm:

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015; Văn bản sửa đổi, bổ sung "*hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015*" số 01/2015 ngày 21/5/2015; Văn bản sửa đổi, bổ sung "*hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015*" số 01/2016 ngày 29/4/2016; Văn bản sửa đổi, bổ sung "*hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015*" số 01/2017 ngày 10/4/2017.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015; Văn bản sửa đổi, bổ sung "*Hợp đồng thế chấp tài*

sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015" số 01/2015 ngày 12/5/2015; Văn bản sửa đổi, bổ sung "*Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015*" số 02/2015 ngày 21/5/2015; Văn bản sửa đổi, bổ sung "*Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015*" số 01/2016 ngày 29/4/2016.

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/6925162/HĐBĐ ngày 14/04/2016; Văn bản sửa đổi, bổ sung "*Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/6925162/HĐBĐ ngày 14/04/2016*" số 01/2017 ngày 14/9/2017.
- Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2015/7717404/HĐBĐ ngày 05/08/2015; Văn bản sửa đổi, bổ sung "*Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2015/7717404/HĐBĐ ngày 05/08/2015*" số 01/2016 ngày 29/5/2016; Văn bản sửa đổi, bổ sung "*Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2015/7717404/HĐBĐ ngày 05/08/2015*" số 01/2017 ngày 10/4/2017.

[6] Các tài sản thế chấp của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tính đến thời điểm hiện tại gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa số *1342*, tờ bản đồ số PDC4 tọa lạc tại ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, diện tích 1.944m^2, do hộ bà Nguyễn Thị V đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT962562 do UBND huyện T cấp ngày 28/05/2014.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa số *1343*, tờ bản đồ số PDC4 tọa lạc tại ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang diện tích 22.490m^2, do hộ bà Nguyễn Thị V đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà

ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT962563 do UBND huyện T cấp ngày 28/05/2014.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa số *1388*, tờ bản đồ số PDC4 tọa lạc tại ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, diện tích 13.003m^2, do hộ bà Nguyễn Thị V đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT962564 do UBND huyện T cấp ngày 28/05/2014,

+ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa số *1340*, tờ bản đồ số PDC4 tọa lạc tại ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang diện tích 10.135m^2, do bà Nguyễn Thị V đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT962604 do UBND huyện T cấp ngày 03/06/2014.

+ Tàu cá theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 90/14 do Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản Bến Tre cấp ngày 18/02/2014.

+ Tàu cá theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 08/17 do Chi cục Thủy sản tỉnh Bến Tre cấp ngày 10/01/2017.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa số *1169*, tờ bản đồ số PDC4 tọa lạc tại ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang diện tích 15.274m^2, do chị Huỳnh Thị Mỹ H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT962603, số vào sổ CH01305 do UBND huyện T cấp ngày 03/06/2014.

[7] Các Hợp đồng thế chấp tài sản đối với tài sản là bất động sản và tài sản là tàu biển; Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký Biện pháp giao dịch bảo đảm, Hợp đồng, Thông báo về việc kê biên tài sản thi hành án ngày 27/02/2015 và 03/10/2017 của Trung tâm đăng ký Giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hội đồng xét xử nhận thấy các bên đã tuân thủ quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm, nên các Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên là phù hợp nên được công nhận.

[8] Về nội dung Hợp đồng thế chấp: ở từng Hợp đồng thế chấp và các văn bản sửa đổi bổ sung có liên quan, các bên đã thỏa thuận, tài sản thế chấp được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại thời điểm phát sinh và bao gồm nghĩa vụ thanh toán cho tất cả các Hợp đồng tín dụng phát sinh trong giai đoạn tiếp theo, nên Hội đồng xét xử xét thấy đối với yêu cầu dùng các tài sản thế chấp để đảm bảo tất cả các khoản vay là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[9] Từ các cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, trong trường hợp ông T, bà V không thanh toán các khoản nợ trên, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Bến Tre được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp nhằm đảm bảo thu hồi nợ.

[10] Bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn T trên 60 tuổi được miễn tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 468 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Bến Tre về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2/ Buộc ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị V phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Bến Tre toàn bộ số tiền nợ vay bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phát sinh tiếp theo, tạm tính đến ngày 12/02/2019 tổng cộng số tiền 10.591.896.862đ (Mười tỷ năm trăm chín mươi mốt triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng) (trong

đó tiền nợ gốc: là 9.954.333.330đ; lãi trong hạn là 613.733.522đ; lãi quá hạn là 23.830.010đ); số tiền cụ thể đối với từng hợp đồng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6925162/HĐTD ngày 12/02/2015:

  Tiền nợ gốc: 671.000.000đ

  Tiền lãi trong hạn: 67.636.800đ

  Lãi quá hạn: 8.764.705đ

- Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6925162/HĐTD ngày 14/04/2016:

  Tiền nợ gốc: 8.977.333.330đ

  Tiền lãi trong hạn: 528.086.316đ

  Lãi quá hạn: 9.089.501đ

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/6925162/HĐTD ngày 10/04/2017:

  Tiền nợ gốc: 306.000.000đ

  Tiền lãi trong hạn: 18.010.406đ

  Lãi quá hạn: 5.975.804đ

Tiền lãi phát sinh được tiếp tục tính theo các Hợp đồng tín dụng trên kể từ ngày 13/02/2019 cho đến khi ông T, bà V thanh toán xong các khoản vay.

Trường hợp ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị V không trả được cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – chi nhánh Bến Tre số tiền nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – chi nhánh Bến Tre được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ và lãi phát sinh theo nội dung các Hợp đồng thế chấp sau đây:

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015; Văn bản sửa đổi, bổ sung "*Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015*" số 01/2015 ngày 21/5/2015; Văn bản sửa đổi, bổ sung "*Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015*" số 01/2016 ngày 29/4/2016; Văn bản sửa đổi, bổ sung "*Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015*" số 01/2017 ngày 10/4/2017.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015; Văn bản sửa đổi, bổ sung "*Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015*" số 01/2015 ngày 12/5/2015; Văn bản sửa đổi, bổ sung "*Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015*" số 02/2015 ngày 21/5/2015; Văn bản sửa đổi, bổ sung "*Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6925162/HĐBĐ ngày 12/02/2015*" số 01/2016 ngày 29/4/2016.

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/6925162/HĐBĐ ngày 14/04/2016; Văn bản sửa đổi, bổ sung "*Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/6925162/HĐBĐ ngày 14/04/2016*" số 01/2017 ngày 14/9/2017.

- Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2015/7717404/HĐBĐ ngày 05/08/2015; Văn bản sửa đổi, bổ sung "*Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2015/7717404/HĐBĐ ngày 05/08/2015*" số 01/2016 ngày 29/5/2016; Văn bản sửa đổi, bổ sung "*Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2015/7717404/HĐBĐ ngày 05/08/2015*" số 01/2017 ngày 10/4/2017.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị V được miễn tiền án phí.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Bến Tre toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.050.000đ (Năm mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018062 ngày 11/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng TMCP Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị Huỳnh Thị Mỹ H, anh Huỳnh Bửu B, anh Huỳnh D, anh Huỳnh Tấn L, chị Huỳnh N, chị Huỳnh Thị Mai T, anh Huỳnh Văn T, chị Huỳnh Thị Huỳnh Đ, anh Huỳnh Văn M và anh Huỳnh Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu